

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THUỶ NGUYÊN

Mẫu 2: Công khai thông tin về cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập
(Thời điểm tháng 12/2023)

TT	Tên cơ sở giáo dục mầm non (Ghi rõ là trường hoặc lớp)	Tên chủ trường, chủ nhóm lớp và số điện thoại	Địa chỉ và số điện thoại	Tính pháp lý		Cơ sở vật chất					Đội ngũ (CBGV)				Tài chính (đơn vị: nghìn đồng)					Huy động trẻ đi học	
				Số QĐ và ngày cấp phép thành lập	Số QĐ và ngày cấp phép hoạt động giáo dục	Số phòng học	Tổng diện tích các phòng học (m2)	Số phòng vệ sinh	Diện tích sân chơi (m2)	Diện tích bếp (m2)	Tổng số	Đại học, cao đẳng mầm non	Trung cấp mầm non	Chưa đạt trung cấp mầm non	Học phí/ tháng	Tiền ăn/ tháng	CSVC/ năm	Đồ dùng, học phẩm/ năm	Thu khác	Được phép theo kế hoạch	Đã huy động
1	Trường MN Tuổi Thơ Xanh	Mai Thị Kim Chi 0904807599	1/1 Bạch Đằng Núi Đèo	3679/QĐ-UBND 21/08/2009	36/QĐ-GDĐT 28/03/2012	4	300	5	150	50	8	2	5	1	1,000	625	600	1800	0	95	81
2	Trường MN BabyHouse	Nguyễn Thị Thoa 0975584888	Phố mới- Tân Dương- 0318843289	1388/QĐ-UBND ngày 16/6/2011	34/QĐ-GDĐT ngày 27/3/2012	7	440	12	1218	67	14	5	5	4	1,100	520	0	0	180	170	167
3	Trường MN Nam Triệu	Lê Duy Hưng	Thôn 8- Xã Tam Hưng	7495/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2016	74/QĐ-GDĐT ngày 09/10/2019	4	260	4	1500	80	10	3	6	1	800	432	0	0	0	120	165
4	Trường MN Hoa Trạng Nguyên	Nguyễn Thị Phương Nhung 0904527866	Thanh lăng xã Quảng Thanh.	Số: 3417/QĐ-UBND ngày 5/8/2013	73/QĐ-GDĐT ngày 09/10/2019	8	360	8	1000	45	17	4	13	0	1000	442	0	750	0	220	245
5	Trường MN Nhiệt điện	Nguyễn Phúc Thịnh 0766066999	Xã Ngũ Lão	Số 4938/QĐ-UBND ngày 01/9/2017	Số 05/QĐ-GDĐT ngày 29/5/2019	5	325	5	325	65	11	5	2	4	900	600	0	0	0	110	126
6	Trường MN Hoa Hồng	Ngô Như Quỳnh 0904 467 296	Thôn 9, xã Kỳ Sơn	Số 823/QĐ-UBND, ngày 23/03/2018	Số 54/QĐ-GDĐT ngày 29/5/2019	3	213	5	300	150	8	4	3	1	800	442	0	0	0	105	78
7	Trường MN Việt Úc 1	Lê Văn Tiến 0913.244.649	Thôn 6- xã Thủy Sơn 02253873086	Số 987/QĐ-UBND ngày 24/3/2017	Số 53/QĐ-GDĐT ngày 29/5/2019	4	960	8	1114	112.8	9	5	4	0	900	598	500	0	0	90	92
Tổng các trường MN TT						35		47			77	28	38	11						910	954

TT	Tên cơ sở giáo dục mầm non (Ghi rõ là trường hoặc lớp)	Tên chủ trường, chủ nhóm lớp và số điện thoại	Địa chỉ và số điện thoại	Tinh pháp lý		Cơ sở vật chất					Đội ngũ (CBGV)				Tài chính (đơn vị: nghìn đồng)					Huy động trẻ đi học	
				Số QĐ và ngày cấp phép thành lập	Số QĐ và ngày cấp phép hoạt động giáo dục	Số phòng học	Tổng diện tích các phòng học (m2)	Số phòng vệ sinh	Diện tích sân chơi (m2)	Diện tích bếp (m2)	Tổng số	Đại học, cao đẳng mầm non	Trung cấp mầm non	Chưa đạt trung cấp mầm non	Học phí/ tháng	Tiền ăn/ tháng	CSVC/ năm	Đồ dùng, học phẩm/ năm	Thu khác	Được phép theo kế hoạch	Đã huy động
1	Lớp MNĐL Ban Mai	Lê Thị Trang 0363.990.583	Thôn 6, Chính Mỹ	73/2016/QĐ-UBND ngày 25/9/2016		5	250	5	343	26	10	3	5	2	610	338	0	0	52	70	165
2	Lớp MNTT Hải Đăng	Vũ Thị Hà 0902061678	Thôn 9 xã Thiên Hương	Số 115 Ngày 16/10/2011		2	90	1	50	20	3	2	1	0	1000	486	150	0	0	50	45
3	Lớp MNĐL Hồng Ân	Nguyễn Thị Huyền 0375434249	Thôn Hữu Quan xã Dương Quan	Số 78a QĐ-UBND ngày 10/12/2013		2	54	2	400	40	4	2	2	0	570	500	800	200	100	50	40
4	Lớp MNĐL Hương Giang	Hoàng Thị Hương Giang 0915922155	Thôn Thầu Đậu xã Dương Quan	Số 36/QĐ-UBND ngày 10/10/2019		1	70	2	70	13	2	2	0	0	800	420	400	100	0	30	34
5	Lớp MNĐL Phương Nam	Bùi Thanh Tuyền 0342694693	Thôn 6- Xã Hòa Bình	Số 96/QĐ-UBND ngày 26/7/2016		2	75	2	15	10	3	1	2	0	700	390	0	0	150	50	45
6	Lớp MNĐL Baby Family	Nguyễn Thị Hương 0333392622	Thôn 7- Xã Hoa Động	37/QĐ-UBND 09/5/2017		2	60	1	25	25	4	3	1	0	700-900	500	0	200	100	50	45
7	Lớp MNĐL Mặt trời bé Thơ	Vũ Thị Thắm 0367105396	Thôn 7, Xã Hoa Động	Số 57 QĐ-UBND ngày 26/9/2017		1	35	1	25	10	2	2	0	0	700-900	390	300	0	100	30	28
8	Lớp MNĐL Sen Hồng 1	Phạm Thị Hương 0795384285	Thôn 6, xã Cao Nhân	17/QĐ-UBND ngày 28/5/2012		2	100	1	20	20	5	2	2	1	800	390	100	0	0	50	50
9	Lớp MNĐL Sao Sáng	Đỗ Thị Hiền 0392380618	Thôn 9 xã Cao Nhân	65/QĐ-UBND 10/2019		3	120	3	100	20	5	4	1	0	700-800	442	100	0	0	70	70

TT	Tên cơ sở giáo dục mầm non (Ghi rõ là trường hoặc lớp)	Tên chủ trường, chủ nhóm lớp và số điện thoại	Địa chỉ và số điện thoại	Tinh pháp lý		Cơ sở vật chất					Đội ngũ (CBGV)				Tài chính (đơn vị: nghìn đồng)					Huy động trẻ đi học	
				Số QĐ và ngày cấp phép thành lập	Số QĐ và ngày cấp phép hoạt động giáo dục	Số phòng học	Tổng diện tích các phòng học (m2)	Số phòng vệ sinh	Diện tích sân chơi (m2)	Diện tích bếp (m2)	Tổng số	Đại học, cao đẳng mầm non	Trung cấp mầm non	Chưa đạt trung cấp mầm non	Học phí/ tháng	Tiền ăn/ tháng	CSVC/ năm	Đồ dùng, học phẩm/ năm	Thu khác	Được phép theo kế hoạch	Đã huy động
10	Lớp MNĐL Thò Ngọc	Nguyễn Thị Mai 0766440083	Thôn 1- Xã Thủy Triều	Số 110/QĐ-UBND ngày 29/01/2019		1	70	1	12	24	2	1	1	0	900	540	0	0	120	35	38
11	Lớp MNĐL Bình Minh	Đào Thị Hiếu 0931519044	Thôn An Trại- Xã An Lư	Số 82/QĐ-UBND ngày 14/5/2020		1	35	1	20	15	3	2	1	0	1000	425	200	0	50	30	30
12	Lớp MNĐL BamBi	Phạm Thị Hường 0934364383	Thôn 1 xã Hòa Bình	Số 180/QĐ-UBND ngày 09/7/2020		1	50	1	150	35	2	1	1	0	700	364	0	0	100	40	26
13	Lớp MNĐL Minh Ngọc	Hoàng Thị Giang 0976646688	Thôn Quán Xã Thủy Đường	Số 111/QĐ-UBND ngày 01/9/2020		1	70	2	40	30	2	2	0	0	700-750	364	0	0	50	50	25
14	Lớp MNĐL Sen Hồng 2	Phạm Thị Hiền 0766457357	Thôn 11, xã Hoà Bình	Số 340/QĐ-UBND ngày 26/8/2020		1	58	1	90	20	3	2	1	0	700	390	100	50	0	35	25
15	Lớp MTĐL PEA	Vũ Thị Thu Hằng	Đường 25/10 Thị trấn Núi Đèo	Số 26-QĐ/UBND ngày 28/8/2020		5	500	5	300	100	12	10	2	0	1500	750	0	500	0	70	108
16	Lớp MTĐL Thiên Thanh	Nguyễn Thị Hằng 0369379879	Thôn 4 xã Kiên Bái	Số 102/QĐ-UBND ngày 10/9/2020		1	40	1	35	20	2	1	1	0	750	425	0	0	100	35	38
17	Lớp MNĐL Bông Mai	Bùi Thị Huân 0962390477	Thôn 6 Xã Kiên Bái	Số 425/QĐ-UBND ngày 25/11/2021		2	63	2	50	25	4	2	1	1	900	500	300	200	80	60	49
18	Lớp MNĐL Hướng Dương	Phạm Thị Khánh Linh 0904242822	Thôn 12 Xã Thiên Hương	Số 379/QĐ-UBND ngày 17/11/2021		1	40	1	40	30	2	2	0	0	950	540	200	0	100	30	29

TT	Tên cơ sở giáo dục mầm non (Ghi rõ là trường hoặc lớp)	Tên chủ trường, chủ nhóm lớp và số điện thoại	Địa chỉ và số điện thoại	Tính pháp lý		Cơ sở vật chất					Đội ngũ (CBGV)				Tài chính (đơn vị: nghìn đồng)					Huy động trẻ đi học	
				Số QĐ và ngày cấp phép thành lập	Số QĐ và ngày cấp phép hoạt động giáo dục	Số phòng học	Tổng diện tích các phòng học (m2)	Số phòng vệ sinh	Diện tích sân chơi (m2)	Diện tích bếp (m2)	Tổng số	Đại học, cao đẳng mầm non	Trung cấp mầm non	Chưa đạt trung cấp mầm non	Học phí/ tháng	Tiền ăn/ tháng	CSVC/ năm	Đồ dùng, học phẩm/ năm	Thu khác	Được phép theo kế hoạch	Đã huy động
19	Lớp MNĐL Đô Rê Mon	Nguyễn Thị Thao 0836365596	Thôn Bắc Vang, Xã Dương Quan	Số 97/QĐ-UBND ngày 20/9/2022		1	50	1	100	15	2	1	1	0	1000	500	500	500	150	30	35
20	Lớp MNĐL Thiên Thần Nhỏ	Triệu Thị Phương Thảo 0932261668	Thôn 7 Xã Thủy Triều	Số 104/QĐ-UBND ngày 21/10/2022		1	104	1	20	36	2	1	1	0	1000	650	500	200	100	60	30
21	Lớp MNĐL Future House	Bùi Thị Như Quỳnh 0904242827	Số 22 Đồng Cau, TT Núi Đèo	Số 51/QĐ-UBND ngày 31/10/2022		5	140	3	25	25	8	7	1	0	1800	1040	1500	500	0	70	87
22	Lớp MNĐL Ánh Dương	Đào Thị Ngọc Anh 0904242822	Thôn 2, Xã Kiền Bái	Số 06/QĐ-UBND ngày 05/01/2023		1	50	1	20	15	2	2	0	0	950	540	200	100	0	30	22
23	Lớp MNĐL Ánh Dương 1	Trần Thị Tầm 0333420234	TDP Chiến Thắng, TT Minh Đức	Số 100/QĐ-UBND ngày 29/7/2023		1	50	1	50	25	2	1	1	0	1500	468	0	0	0	30	25
Tổng nhóm/lớp MNĐL						43		40			86	56	26	4						1055	1089
CỘNG TỔNG CHUNG						78		87			163	84	64	15						1965	2043

Thủy Nguyên, ngày 15 tháng 12 năm 2023

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

THUỶ NGUYÊN



Nguyễn Văn Năng



Uông Minh Long